I. Điều kiện buôn bán thuốc BVTV

1. Địa điểm

Hợp pháp, bảo đảm diện tích, an toàn cho người, vật nuôi và môi trường. Cụ thể:

Cửa hàng buôn bán thuốc BVTV phải :

- Có địa chỉ rõ ràng, ổn định, thuộc sở hữu của chủ cơ sở (hoặc có hợp đồng thuê địa điểm đặt cửa hàng hợp pháp tối thiểu là 01 năm).

  Trường hợp cơ sở buôn bán không có cửa hàng thì phải có đăng ký doanh nghiệp; có địa điểm giao dịch cố định, hợp pháp, địa chỉ rõ ràng; có sổ ghi chép việc mua bán, xuất, nhập thuốc BVTVvà đáp ứng yêu cầu về nhân lực tại mục 1.2.

- Có diện tích phù hợp với quy mô kinh doanh, tối thiểu là 10 m^2
- Cách xa nguồn nước (sông, hồ, kênh, rạch, giếng nước) tối thiểu 20 m;
- Là nhà kiên cố, ở nơi cao ráo, không ngập nước, thoáng gió, nền chống thấm; tường và mái phải xây dựng bằng vật liệu không bén lửa,
- Nơi chứa thuốc/kho thuốc BVTVcủa cửa hàng phải đảm bảo:

+ Cách xa nguồn nước (sông, hồ, kênh, rạch) ít nhất khoảng 20m và phải được gia cố bờ kè chắc chắn, chống chảy tràn. Phải khô ráo, thoáng gió, không thấm, dột hoặc ngập úng, đảm bảo phòng chống cháy nổ;
+ Tường và mái của nơi chứa phải xây dựng bằng vật liệu không bén lửa. Tường và nền phải bằng phẳng, chống thấm, dễ lau chùi, không bị ngập;
+ Phải được đảm bảo đủ độ sáng để nhận diện hàng hóa. Thiết bị chiếu sáng đảm bảo an toàn về phòng chống cháy nổ;
+ Hàng hóa được kê trên kệ kê hàng cao ít nhất 10 cen-ti-mét (cm), cách tường ít nhất 20 cen-ti-mét (cm); phải được bảo quản trong bao gói kín, hạn chế phát tán mùi ra xung quanh;
+ Việc sắp xếp hàng hóa phải đảm bảo không gây đổ vỡ, rò rỉ, có lối vào đủ rộng tối thiểu cho một người đi lại và riêng biệt từng loại;

+ Có nội quy và trang thiết bị phòng cháy và chữa cháy theo yêu cầu của cơ quan phòng cháy, chữa cháy để ở nơi thuận tiện, sẵn sàng sử dụng khi cần thiết;

+ Có bảo hộ lao động bảo vệ cá nhân như găng tay, khẩu trang, nước sạch, xà phòng;

+ Có vật liệu, dụng cụ để xử lý kịp thời sự cố.

Cửa hàng buôn bán thuốc BVTV không được:

- Nằm trong khu vực dịch vụ ăn uống, vui chơi giải trí, trường học, bệnh viện.
- Bán thuốc BVTVchung với các loại hàng hóa là lương thực, thực phẩm, hàng giải khát, thức ăn chăn nuôi, thuốc y tế, thuốc thú y.

2. Nhân lực

- Chủ cơ sở buôn bán thuốc và người trực tiếp bán thuốc BVTVphải có trình độ trung cấp trở lên thuộc chuyên ngành BVTV, trồng trọt, sinh học, hóa học hoặc có giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn về thuốc BVTV.
- Chủ cơ sở buôn bán thuốc BVTV là:

+ Giám đốc/ Tổng giám đốc Công ty TNHH, Công ty cổ phần, doanh nghiệp tư nhân, các thành viên công ty hợp danh;

+ Người đứng đầu chi nhánh hoặc cấp phó của người đứng đầu chi nhánh của doanh nghiệp;

+ Một trong những người quản lý cơ sở buôn bán thuốc BVTV tại cửa hàng đại lý của doanh nghiệp, hợp tác xã làm dịch vụ BVTV; người trực tiếp quản lý cửa hàng đối với cửa hàng buôn bán thuốc tại một địa điểm cố định

3. Trang thiết bị

- Có tủ trưng bày, quầy, kệ hoặc giá đựng thuốc bảo vệ thực vật.
- Đảm bảo đủ độ sáng để nhận diện thuốc. Thiết bị chiếu sáng phải đảm bảo an toàn về phòng chống cháy nổ.
- Có nội quy và phương tiện phòng cháy và chữa cháy theo yêu cầu của cơ quan phòng cháy, chữa cháy để ở nơi thuận tiện, sẵn sàng sử dụng khi cần thiết.

- Có bảo hộ lao động bảo vệ cá nhân như găng tay, khẩu trang, nước sạch, xà phòng.
- Có vật liệu, dụng cụ để xử lý kịp thời sự cố theo yêu cầu của cơ quan quản lý về môi trường.

II. Thủ tục cấp GCN đủ điều kiện buôn bán thuốc BVTV

1. Chuẩn bị hồ sơ

Chủ cơ sở buôn bán thuốc BVTV chuẩn bị hồ sơ gồm:

- Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc BVTV *(theo mẫu tại trang 5)*
- Bản sao chứng thực hoặc bản sao chụp (mang theo bản chính để đối chiếu) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Bản thuyết minh điều kiện buôn bán thuốc BVTV *(theo mẫu tại trang 6)*

2. Nộp hồ sơ

- Cơ sở buôn bán nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến đến Chi cục BVTV/Trồng trọt và BVTV.
- Chi cục BVTV/Trồng trọt và BVTV kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ trong thời gian 02 ngày làm việc. Nếu hồ sơ hợp lệ theo quy định thì tiếp nhận hồ sơ, nếu không hợp lệ thì trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

3. Thẩm định, đánh giá

- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, Chi cục BVTV/TT và BVTV thực hiện thẩm định.
- Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, Chi cục trưởng Chi cục BVTV/TT và BVTV ra quyết định thành lập Đoàn đánh giá và tiến hành đánh giá thực tế. Thời gian đánh giá tại cơ sở: không quá 01 ngày làm việc
- Chi cục BVTV/TT và BVTV thông báo bằng văn bản cho cơ sở buôn bán thuốc BVTV về kế hoạch đánh giá trước thời điểm đánh giá ít nhất 5 này.
- Các điều kiện chưa phù hợp với quy định tại phải được đưa vào Biên bản

đánh giá điều kiện buôn bán thuốc BVTV. Đại diện cơ sở và Trưởng đoàn đánh giá ký xác nhậnvào Biên bản.

- Trường hợp không đồng ý với kết quả đánh giá của đoàn, đại diện cơ sở có quyền ghi kiến nghị của mình vào cuối biên bản trước khi ký tên và đóng dấu xác nhận. Biên bản đánh giá vẫn có giá trị pháp lý trong trường hợp đại diện cơ sở không ký tên vào biên bản.

4. Cấp GCN đủ điều kiện buôn bán thuốc BVTV

- ***Trường hợp 1: hồ sơ hợp lệ và kết quả đánh giá đạt yêu cầu:***

  Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đánh giá Chi cục BVTV/TT và BVTVcấp GCN đủ điều kiện buôn bán thuốc BVTVcho cơ sở *(theo mẫu tại trang 8)*

- ***Trường hợp 2: Chưa đủ điều kiện***

+ Chi cục BVTV/TT và BVTVthông báo bằng văn bản cho cơ sở những điều kiện không đạt, yêu cầu và thời hạn khắc phục trong vòng 60 ngày

+ Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản báo cáo khắc phục của cơ sở hoặc kết quả kiểm tra lại (khi cần thiết), nếu hợp lệ và bảo đảm điều kiện thì Chi cục BVTV/TT và BVTV cấp GCN đủ điều kiện buôn bán thuốc BVTVcho cơ sở

- ***Trường hợp 3: không cấp GCN đủ điều kiện buôn bán thuốcBVTV***, Chi cục BVTVhoặc Chi cục TT và BVTVtrả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

* Trước 03 tháng tính đến ngày GCN đủ điều kiện buôn bán thuốc BVTV hết hạn, tổ chức, cá nhân có nhu cầu tiếp tục buôn bán thuốc BVTVphải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại GCN. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp lại được thực hiện như trên.

Trong thời gian hoạt động, nếu cơ sở được kiểm tra, đánh giá xếp loại A theo quy định của Bộ trưởng BNNPTNT về việc kiểm tra, đánh giá cơ sở sản xuất kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản, thì làm thủ tục đề nghị cấp lại GCN đủ điều kiện buôn bán thuốc. Chi cục BVTV/TT và BVTVcấp GCN đủ điều kiện buôn bán thuốc BVTV trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, không thành lập đoàn kiểm tra thực tế tại cơ sở buôn bán.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN SẢN XUẤT, BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

Kính gửi: Cục BVTV

Chi cục BVTV/ Chi cục Trồng trọt và BVTV

1. Đơn vị chủ quản:…….....

Địa chỉ: ……

Tel: ……... Fax:……... E-mail: …….

2. Tên cơ sở: …….....

Địa chỉ: ……...…….

Tel: ……... Fax:……... E-mail: …….

Địa điểm sản xuất, buôn bán thuốc bảo vệ thực vật: .....

Địa điểm nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật:.....

Đề nghị Quí cơ quan

☐ Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật

- Sản xuất hoạt chất ☐
- Sản xuất thuốc kỹ thuật ☐
- Sản xuất thành phẩm từ thuốc kỹ thuật ☐
- Đóng gói ☐

☐ Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật

- Cơ sở có cửa hàng ☐
- Cơ sở không có cửa hàng ☐

☐ Cấp mới ☐ Cấp lại lần thứ ……..

Hồ sơ gửi kèm:.....

Chúng tôi xin tuân thủ các quy định của pháp luật về sản xuất và buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.

……, ngày….. tháng…..năm……

Đại diện cơ sở

(Ký và ghi rõ họ tên)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

MẪU

BẢN THUYẾT MINH
ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

Kính gửi: Chi cục Bảo vệ thực vật hoặc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

1. Đơn vị chủ quản: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....Fax:.....E-mail: .....

2. Tên cơ sở: ....

Địa chỉ: .....

Điệnthoại: .....Fax:.....E-mail: .....

3. Loại hình hoạt động

- DN nhà nước ☐
- DN liên doanh với nước ngoài ☐
- DN tư nhân ☐
- DN 100% vốn nước ngoài ☐
- DN cổ phần ☐
- Hộ buôn bán ☐
- Khác: *(ghi rõ loại hình)* ☐

……

4. Năm bắt đầu hoạt động: …….....

5. Số đăng ký/ngày cấp/cơ quan cấp chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

…….....

II. THÔNG TIN VỀ HIỆN TRẠNG ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ BUÔN BÁN

1. Cửa hàng *(áp dụng đối với cơ sở có cửa hàng)*

- Diện tích cửa hàng: ……m^2
- Diện tích/công suất khu vực chứa/ kho chứa hàng hóa: …… m^2 hoặc ..... tấn
- DM các trang thiết bị bảo đảm an toàn lao động, phòng chống cháy nổ:

2. Nhân lực:

Danh sách nhân lực, trong đó:

- Chủ cơ sở và người trực tiếp bán thuốc bảo vệ thực vật có trình độ trung cấp trở lên thuộc chuyên ngành bảo vệ thực vật, trồng trọt, sinh học, hóa học hoặc Giấy chứng nhận bồi dưỡng chuyên môn về thuốc bảo vệ thực vật theo mẫu quy định tại Phụ lục XXII ban hành kèm theo Thông tư này *(Ghi rõ tên loại văn bằng, giấy chứng nhận; ngày cấp; thời hạn hiệu lực; tên cơ quan cấp; tên người được cấp).*
- Chứng nhận sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp bán thuốc bảo vệ thực vật theo quy định của Bộ Y tế *(Ghi rõ ngày cấp; tên cơ quan cấp; tên người được cấp).*

- Những thông tin khác.

3. Nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật

☐ Có (tiếp tục khai báo mục 3.1)

☐ Không (tiếp tục khai báo mục 3.2)

3.1. Nếu có, cung cấp các thông tin sau:

Nơi chứa thuốc: từ 5000 kg trở lên ☐ dưới 5000 kg ☐

Kích thước kho: chiều dài (m): ..... chiều rộng (m): ..... chiều cao: .....

Thông tin về nơi chứa thuốc bảo vệ thực vật:

a) Tên người đại diện: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....Mobile: .....Fax:..... E-mail: .....

b) Trạm cấp cứu gần nhất: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....Fax:.....

Khoảng cách đến cơ sở (km): .....

c) Đơn vị cứu hỏa gần nhất (km): .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....Fax:.....

Khoảng cách đến cơ sở (km): .....

d) Đồn cảnh sát gần nhất: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....Fax:.....

Khoảng cách đến cơ sở (km): .....

đ) Tên khu dân cư gần nhất: .....

Khoảng cách đến cơ sở (km): .....

3.2. Nếu không có kho riêng, nêu tên những đơn vị mà cơ sở có hợp đồng thuê kho (kèm hợp đồng thuê kho):.....

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ BUÔN BÁN

(Ký tên, đóng dấu nếu có)

MẪU

SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT …	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
CHI CỤC	**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN BUÔN BÁN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT
Số:…….

Tên cơ sở: …….
Địa chỉ: ……...
Điện thoại: …… Fax: …….

Tên đơn vị chủ quản: ……..
Địa chỉ: ……..
Điện thoại: …… Fax: …….

hoặc

Chủ cơ sở: ……
Số chứng minh nhân dân số: …… Ngày cấp: …… Nơi cấp: ……
Địa chỉ thường trú:……
Điện thoại: …… Fax: ……..... ……
Địa điểm cửa hàng buôn bán: ……...……

Được công nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật
Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày…….tháng….năm….

……., ngày tháng năm
CHI CỤC TRƯỞNG

III. Quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân buôn bán thuốc BVTV

1. Quyền của Tổ chức, cá nhân buôn bán thuốc BVTV

- Buôn bán thuốc thành phẩm có trong DM thuốc BVTVđược phép sử dụng tại Việt Nam;
- Được cung cấp thông tin và hướng dẫn liên quan đến thuốc BVTV;
- Chủ cơ sở và người trực tiếp buôn bán thuốc được tham gia tập huấn về an toàn sử dụng, bảo quản, vận chuyển và phòng ngừa sự cố do thuốc BVTVgây ra.

2. Nghĩa vụ của Tổ chức, cá nhân buôn bán thuốc BVTV

- Tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý thuốc BVTV;
- Chỉ được sử dụng người trực tiếp bán thuốc BVTVbảo đảm sức khỏe và đã được đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn;
- Niêm yết giá bán và lập sổ theo dõi việc mua, bán thuốc;
- Hướng dẫn sử dụng thuốc cho người mua theo đúng nội dung của nhãn thuốc;
- Khi phát hiện sự cố gây rò rỉ, phát tán thuốc BVTVcó nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe con người, vật nuôi, môi trường sinh thái, cơ sở buôn bán thuốc phải áp dụng ngay biện pháp khắc phục, đồng thời báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra sự cố để giám sát và có các biện pháp cảnh báo, phòng ngừa hậu quả xấu;
- Chỉ bán thuốc BVTVdùng để xông hơi khử trùng cho người có thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện KDTV hoặc cho tổ chức có GCN hành nghề xử lý vật thể thuộc diện KDTV;
- Cung cấp thông tin liên quan đến việc buôn bán thuốc BVTVcủa cơ sở cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu;
- Bồi thường thiệt hại do lỗi của cơ sở buôn bán thuốc BVTVtheo quy định của pháp luật;
- Khi phát hiện thuốc của cơ sở buôn bán không bảo đảm các yêu cầu theo quy định, cơ sở buôn bán có trách nhiệm thông báo cho đại lý trực tiếp hoặc

cơ sở sản xuất đã cung cấp thuốc để thu hồi ngay toàn bộ thuốc đó trên thị trường; tham gia thu hồi thuốc đã bán ra;

- Chấp hành quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy, hóa chất, môi trường, lao động;
- Thực hiện quy định của pháp luật về thuế bảo vệ môi trường và quy định khác của pháp luật có liên quan.

IV. Vận chuyển thuốc BVTV

1. Nguyên tắc chung về vận chuyển thuốc BVTV

- Tuân thủ quy định liên quan đến việc vận chuyển hàng nguy hiểm bằng đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng không, hàng hải.[1]
- Việc vận chuyển các thuốc BVTV(trừ các thuốc BVTVlà chế phẩm vi sinh vật) phải được cấp phép [2]. Chỉ được vận chuyển thuốc BVTV đã được đóng gói, dán nhãn
- Phải theo đúng lịch trình ghi trong hợp đồng hoặc giấy tờ khác có liên quan về vận chuyển thuốc BVTVgiữa chủ phương tiện và chủ sở hữu hàng hóa.
- Phải đảm bảo an toàn cho người, vật nuôi, môi trường.
- Không được dừng xe chở thuốc BVTV nơi đông người, gần trường học, bệnh viện, chợ, nguồn nước sinh hoạt.
- Không được chở chung các thuốc BVTVcó khả năng phản ứng với nhau trên cùng một phương tiện.
- Không được vận chuyển thuốc BVTVtrên cùng phương tiện chở khách, vật nuôi, lương thực, thực phẩm, các chất dễ gây cháy, nổ và các hàng hóa khác (trừ phân bón).

---

[1] quy định của Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ quy định DM hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; Nghị định 14/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường sắt

[2]theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ quy định DM hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; khoản 1 Điều 22 Nghị định số 14/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường Sắt.

2. Yêu cầu đối với việc vận chuyển thuốc BVTV

2.1. Người vận chuyển thuốc BVTV

a) Người điều khiển phương tiện, người áp tải hàng phải hiểu rõ tính chất nguy hiểm của thuốc BVTV như: độc hại, dễ cháy, dễ nổ, ăn mòn và phải biết xử lý sơ bộ khi sự cố xảy ra trong quá trình vận chuyển thuốc BVTVvà thực hiện theo các quy định của pháp luật về vận chuyển hàng nguy hiểm;

b) Người điều khiển phương tiện vận chuyển thuốc BVTV bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ ngoài các chứng chỉ về điều khiển phương tiện tham gia giao thông theo quy định hiện hành của Nhà nước còn phải có GCN huấn luyện về an toàn lao động trong vận chuyển, bảo quản thuốc BVTV;

c) Người áp tải hàng hóa là thuốc BVTVphải được huấn luyện về an toàn lao động trong vận chuyển, bảo quản thuốc bảo vệ thực vật.

2.2. Bao bì, thùng chứa hoặc container chứa thuốc BVTV

- Phải được làm bằng các vật liệu dai, bền, ít thấm nước;
- Phải dán hình đồ cảnh báo với hình đầu lâu, xương chéo màu đen trên nền trắng trong hình vuông đặt lệch và các hình đồ cảnh báo tương ứng với tính chất của thuốc BVTVđược vận chuyển theo mẫu dưới đây.

Yêu cầu kích thước hình đồ cảnh báo:

Trên mỗi thùng đựng thuốc/kiện hàng: 100 mm x 100 mm

Trên container: 250 mm x 250 mm

 Chất lỏng dễ cháy; Khí dễ cháy; Sol khí dễ cháy (Màu đỏ)	 **Chất rắn dễ cháy tự phản ứng** (Sọc màu đỏ và trắng)

 Chất dễ nổ (Màu da cam)	 **Chất tự dẫn lửa, hợp chất tự sinh nhiệt** (Nửa màu trắng, nửa màu đỏ)
 Chất ăn mòn (Nửa màu trắng, nửa màu đen)	 **Chất oxy hoá;** (Màu vàng)
 Chất độc (Hình đầu lâu xương chéo trên nền màu trắng)	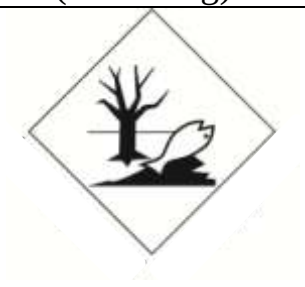 **Chất độc môi trường** (Màu trắng)

Lưu ý: Đường viền hình vuông đặt lệch và đường viền hình vẽ bên trong màu đen.

➢ Phải có báo hiệu nguy hiểm ở phía dưới hình đồ cảnh báo

Báo hiệu nguy hiểm có hình chữ nhật, màu vàng cam, ở giữa ghi mã số Liên hợp quốc (UN); kích thước 300 x 500 mm

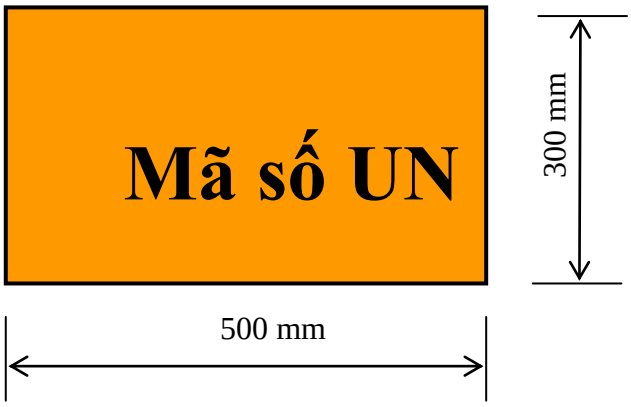

Đối với bao bì và thùng chứa thuốc thì báo hiệu nguy hiểm có kích thước nhỏ hơn phù hợp với tỷ lệ với bao bì và thùng chứa nhưng phải đảm bảo nhìn rõ.

2.3. Phương tiện vận chuyển thuốc BVTV

- Các phương tiện vận tải thông thường được các cơ quan có thẩm quyền cho phép lưu hành để vận chuyển hàng hóa thì được chuyên chở thuốc BVTV.
- Phương tiện chuyên chở thuốc BVTVphải đảm bảo các điều kiện kỹ thuật:
  + Có dụng cụ, trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy phù hợp với thuốc BVTV khi vận chuyển;
  + Có mui, bạt che phủ kín, chắc chắn toàn bộ khoang chở hàng đảm bảo không thấm nước trong quá trình vận chuyển;
- Không dùng xe rơ móc để chuyên chở thuốc BVTV.
- Phương tiện chuyên chở thuốc BVTV được xếp cuối cùng của mỗi chuyến phà (nếu bến phà không có phà chuyên dùng cho loại hàng nguy hiểm).
- Phương tiện chuyên chở thuốc BVTVphải được dán hình đồ cảnh báo như mục 4.2.2. với kích thước 500 x 500 mm.

  Vị trí dán hình đồ cảnh báo ở hai bên và phía sau phương tiện.

3. Giấy phép vận chuyển thuốc BVTV

3.1. Thông tin về Giấy phép vận chuyển thuốc BVTV

- Các trường hợp cần được cấp Giấy phép vận chuyển thuốc BVTV:
  + Tổ chức, cá nhân vận chuyển thuốc BVTVkhối lượng từ 1.000 kg/ chuyến trở lên bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;
  + Người thuê vận chuyển thuốc BVTVkhối lượng từ 1.000 kg/ chuyến trở lên bằng phương tiện giao thông đường sắt.
- Giá trị Giấy phép vận chuyển thuốc BVTV: lưu hành trên toàn quốc
- Thời hạn của Giấy phép vận chuyển thuốc BVTV: cấp theo từng chuyến (đối với vận chuyển bằng đường bộ), theo từng lô hàng (đối với vận chuyển bằng đường sắt) hoặc từng thời kỳ nhưng không quá 12 tháng, kể từ ngày cấp.
- Đơn vị cấp Giấy phép vận chuyển thuốc BVTV: Chi cục BVTV/TT&BVTV

- Mẫu Giấy phép vận chuyển thuốc BVTV

3.2. Thủ tục cấp Giấy phép vận chuyển thuốc BVTV

3.2.1. Chuẩn bị hồ sơ:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển thuốc BVTV *(mẫu tại trang 15)*

b) Bản sao chụp GCN huấn luyện về an toàn lao động trong vận chuyển, bảo quản thuốc BVTVcủa người điều khiển phương tiện hoặc người áp tải hàng. Khi nộp mang theo bản chính để đối chiếu (đối với vận chuyển bằng đường bộ);

c) Một trong bản sao chụp các giấy tờ sau: Hợp đồng cung ứng; Hợp đồng vận chuyển thuốc BVTV; Hóa đơn tài chính về xuất, nhập hàng hóa thuốc BVTV; Bản kê khai vận chuyển hàng hóa của công ty (có xác nhận và dấu của công ty);

d) Lịch trình vận chuyển hàng hóa, địa chỉ và điện thoại của chủ hàng (có xác nhận và dấu của công ty).

3.2.2. Nộp hồ sơ

- Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép vận chuyển thuốc BVTVnộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến 01 bộ hồ sơ cho Chi cục BVTV/TT & BVTV.

3.2.3. Thẩm định

Chi cục BVTV/TT & BVTV thẩm định hồ sơ trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ.

3.2.4. Trả kết quả:

- Nếu hồ sơ hợp lệ, Chi cục BVTV/TT & BVTV cấp Giấy phép vận chuyển thuốc BVTV *(theo mẫu tại trang 16)*
- Nếu hồ sơ chưa hợp lệ: trong vòng 01 ngày làm việc từ khi nhận hồ sơ đầy đủ, Chi cục BVTV/TT & BVTV thông báo cho tổ chức, cá nhân những nội dung cần bổ sung, hoàn chỉnh.
- Không cấp Giấy phép vận chuyển thuốc BVTV: trong vòng 01 ngày làm việc, Chi cục BVTV/TT & BVTV thông báo cho tổ chức, cá nhân bằng văn bản và nêu rõ lý do.

MẪU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP GIẤY PHÉP VẬN CHUYỂN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

Kính gửi: Chi cục Bảo vệ thực vật hoặc Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh …..

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép vận chuyển .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại ……Fax .....

Quyết định thành lập doanh nghiệp số ……ngày…..tháng ……năm…….....

Đăng ký doanh nghiệp số……ngày…….tháng …….năm…….....

tại…… .....

Số tài khoản……Tại ngân hàng…… .....

Họ tên người đại diện pháp luật……Chức danh…… .....

CMND/Hộ chiếu số…….do……cấp ngày…./…./…… .....

Hộ khẩu thường trú…….....

Đề nghị Quý cơ quan xem xét và cấp ***"Giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật"*** đối với loại thuốc bảo vệ thực vật sau:

STT	Tên thuốc BVTV/ hoạt chất	Số UN	Loại, nhóm hàng	Số hiệu nguy hiểm	Khối lu vận chu

cho phương tiện giao thông ……..

(lưu ý: ghi rõ loại phương tiện vận chuyển, trọng tải phương tiện, biển kiểm soát, tên chủ phương tiện, tên người điều khiển phương tiện giao thông đường bộ, người áp tải hàng, số CMND/Hộ chiếu, hộ khẩu thường trú).

Tôi cam kết đảm bảo an toàn để tham gia giao thông và thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật.

....., ngày.....tháng .....năm.....

Người làm đơn

(Ký tên, đóng dấu)

MẪU

SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT …
CHI CỤC .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY PHÉP
VẬN CHUYỂN THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT

1. Tên tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép vận chuyển.....
2. Tên phương tiện, biển kiểm soát [(1)]….....
3. Tên chủ phương tiện giao thông …… .....

CMND/Hộ chiếu số…….do……cấp ngày…./…./…….....

Hộ khẩu thường trú…….....

4. Tên người điều khiển phương tiện giao thông đường bộ [(2)]…….....

CMND/Hộ chiếu số…….do……cấp ngày…./…./…….....

Hộ khẩu thường trú…….....

5. Tên người áp tải hàng (nếu có)
6. Hàng hoá được vận chuyển:

STT	Tên thuốc BVTV/ hoạt chất	Số UN	Loại, nhóm hàng	Số hiệu nguy hiểm	Khối lượ vận chuyể

7. Hành trình [(4)] từ ……đến …….. .....
8. Thời gian bắt đầu vận chuyển…….....
9. Thời hạn hiệu lực của giấy phép vận chuyển:…….....

....., ngày.....tháng
.....năm.....
CHI CỤC TRƯỞNG
(Ký tên, đóng dấu)

Vào sổ đăng ký số:
Ngày .....tháng.....năm....

Ghi chú:
(1), (2) Trường hợp cấp phép cho nhiều phương tiện, nhiều người điều khiển phương tiện thì Giấy phép bổ sung thêm Phụ lục danh sách phương tiện, người điều khiển phương tiện.
(3), (4) Trường hợp khối lượng vận chuyển khác nhau, lịch trình vận chuyển đến nhiều địa điểm khác nhau thì Giấy phép bổ sung Phụ lục chi tiết các nội dung này.

V. Danh mục thuốc BVTV

TheoLuật Bảo vệ và KDTV, hàng năm, Bộ trưởng BNNPTNT ban hành:

- DM thuốc BVTVđược phép sử dụng tại Việt Nam;
- DM thuốc BVTVcấm sử dụng tại Việt Nam

Do vậy, người buôn bán, sử dụng thuốc BVTV cần phải theo dõi, cập nhật DM thuốc BVTV.

1. Thành phần DM

Thông tư số 03/2016/TT-BNNPTNT ngày 21/4/2016 của BNNPTNT ban hành:

1.1. DM thuốc BVTVđược phép sử dụng tại Việt Nam, gồm:

a) Thuốc sử dụng trong nông nghiệp:

- Thuốc trừ sâu: 775 hoạt chất với 1678 tên thương phẩm.
- Thuốc trừ bệnh: 608 hoạt chất với 1297 tên thương phẩm.
- Thuốc trừ cỏ: 227 hoạt chất với 694 tên thương phẩm.
- Thuốc trừ chuột: 10 hoạt chất với 28 tên thương phẩm.
- Thuốc điều hoà sinh trưởng: 50 hoạt chất với 142 tên thương phẩm.
- Chất dẫn dụ côn trùng: 8 hoạt chất với 9 tên thương phẩm.
- Thuốc trừ ốc: 27 hoạt chất với 144 tên thương phẩm.
- Chất hỗ trợ (chất trải): 5 hoạt chất với 6 tên thương phẩm.

b) Thuốc trừ mối: 14 hoạt chất với 20 tên thương phẩm.

c) Thuốc bảo quản lâm sản: 8 hoạt chất với 9 tên thương phẩm.

d) Thuốc khử trùng kho: 4 hoạt chất với 8 tên thương phẩm.

đ) Thuốc sử dụng cho sân golf:

- Thuốc trừ sâu: 1 hoạt chất với 1 tên thương phẩm.
- Thuốc trừ bệnh: 3 hoạt chất với 3 tên thương phẩm.
- Thuốc trừ cỏ: 1 hoạt chất với 1 tên thương phẩm.
- Thuốc điều hoà sinh trưởng: 1 hoạt chất với 1 tên thương phẩm.

e) Thuốc xử lý hạt giống:

- Thuốc trừ sâu: 12 hoạt chất với 16 tên thương phẩm.

- Thuốc trừ bệnh: 10 hoạt chất với 11 tên thương phẩm.

1.2. DM thuốc BVTVcấm sử dụng tại Việt Nam, gồm:

a) Thuốc trừ sâu, thuốc bảo quản lâm sản: 21 hoạt chất.

b) Thuốc trừ bệnh: 6 hoạt chất.

c) Thuốc trừ chuột: 1 hoạt chất.

d) Thuốc trừ cỏ: 1 hoạt chất.

2. Hướng dẫn về DM thuốc BVTV

2.1. Giải thích DM thuốc BVTV

Cột 1: Số thứ tự hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật

Cột 2: Mã HS

- Mã số HS đối với thuốc BVTVthành phẩm trong DM thuốc BVTVđược phép sử dụng ở Việt Nam (ghi tại cột thứ 4-Tên thương phẩm), được phân loại thuộc nhóm 3808.
- Mã số HS đối với thuốc BVTV kỹ thuật được phép sử dụng ở Việt Nam (ghi tại cột thứ 3-Tên hoạt chất, nguyên liệu), được phân loại thuộc nhóm 3808.

  Việc phân loại căn cứ theo bản chất hàng hóa và nguyên tắc phân loại hàng hóa của cơ quan hải quan. Trong trường hợp thuốc BVTVkỹ thuật được phân loại khác nhóm 3808 thì áp dụng theo kết luận của cơ quan hải quan nhưng vẫn chịu sự điều chỉnh về chính sách quản lý của BNNPTNT.
- Mã số HS đối với thuốc BVTV kỹ thuật trong DM thuốc BVTVcấm sử dụng ở Việt Nam (ghi tại cột thứ 3-Tên chung) được phân loại chi tiết tại cột thứ 2; Mã số HS đối với thuốc bảo vệ thành phẩm trong DM thuốc BVTVcấm sử dụng ở Việt (ghi tại cột thứ 5-Tên thương phẩm) được phân loại chi tiết tại cột thứ 4 theo DM tại Phụ lục II kèm theo Thông tư .

* *Có thể tham khảo chi tiết mã HS tại Phụ lục III Thông tư 03/2016/TT-BNNPTNT*

Cột 3: Tên hoạt chất (nguyên liệu)

Gồm có các hoạt chất đơn và hỗn hợp các hoạt chất.

Hoạt chất thuốc BVTV là chất hoặc thành phần hữu hiệu có hoạt tính sinh học của thuốc bảo vệ thực vật.

Tên hoạt chất ghi theo tên thông thường (common name), nếu không có tên thông thường thì ghi theo tên IUPAC.

Thuốc BVTVkỹ thuật (sau đây gọi chung là thuốc kỹ thuật) là sản phẩm có hàm lượng hoạt chất cao, đạt tiêu chuẩn chất lượng theo quy định được dùng để sản xuất thuốc thành phẩm.

Các hoạt chất trong thuốc thành phẩm có độc cấp tính loại I, II theo phân loại của Hệ thống hài hòa toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS) **không được phép đăng ký ở Việt Nam** trừ thuốc BVTVsinh học, thuốc BVTVdùng để xông hơi khử trùng, thuốc trừ chuột; thuốc trừ mối hại công trình xây dựng, đê điều; thuốc bảo quản lâm sản mà lâm sản đó không dùng làm thực phẩm và dược liệu.

Các hoạt chất trong thuốc thành phẩm có độc cấp tính loại III, IV theo phân loại của Hệ thống hài hòa toàn cầu về phân loại và ghi nhãn hóa chất (GHS); thuộc nhóm clo hữu cơ; có thời gian cách ly ở Việt Nam trên 07 ngày **không được phép** đăng ký phòng trừ sinh vật gây hại thực vật hoặc điều hoà sinh trưởng cho cây ăn quả, cây chè, cây rau hoặc để bảo quản nông sản sau thu hoạch.

Cột 4: Tên thương phẩm và dạng thuốc

Thuốc BVTV thành phẩm là sản phẩm được sản xuất từ thuốc kỹ thuật với dung môi, phụ gia theo quy trình công nghệ nhất định, đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, có nhãn hàng hóa và được phép đưa vào lưu thông, sử dụng.

a) Tên thương phẩm:

Yêu cầu tên thương phẩm không được làm hiểu sai lệch về bản chất và công dụng của thuốc; không được vi phạm thuần phong mỹ tục truyền thống của Việt Nam; không trùng cách đọc hoặc cách viết với tên của lãnh tụ, anh hùng dân tộc, danh nhân, địa danh của Việt Nam hoặc nước ngoài, các loại thực phẩm, đồ uống, dược phẩm.

Tất cả thuốc BVTVdùng để phòng trừ sinh vật gây hại thực vật; điều hòa sinh trưởng cây trồng; bảo quản thực vật; khử trùng kho; trừ mối hại công trình xây dựng và đê điều; trừ cỏ trên đất không trồng trọt; làm tăng độ an toàn, hiệu quả khi sử dụng (có tên thương phẩm riêng) phải được đăng ký vào DM thuốc BVTVđược phép sử dụng ở Việt Nam.

Không thay đổi tên thương phẩm thuốc BVTVtrong DM trừ trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền về sở hữu trí tuệ hoặc tòa án có kết luận bằng văn bản về việc vi phạm nhãn hiệu hàng hóa của tên thương phẩm trong DM.

b) *Dạng thành phẩm:*

Ghi ký hiệu dạng thành phẩm theo Hướng dẫn quốc tế Croplife về thuốc BVTVkỹ thuật và thành phẩm (Croplife International Codes for Technical and Formulated Pesticides)

**Xem chi tiết tại trang 37 – 47.*

Cột 5: Đối tượng phòng trừ/ cây trồng

Mỗi loại thuốc BVTVđều có đối tượng phòng trừ/ cây trồng tương ứng.

Chỉ sử dụng các loại thuốc đã được đăng ký vào DM thuốc BVTV được phép sử dụng tại Việt Nam

Cột 6: Tổ chức đề nghị đăng ký

Tổ chức, cá nhân được đăng ký 01 tên thương phẩm cho mỗi hoạt chất, thuốc kỹ thuật hoặc thuốc thành phẩm để phòng, trừ sinh vật gây hại hoặc điều hòa sinh trưởng cây trồng.

Trường hợp các hoạt chất, thuốc kỹ thuật hoặc thuốc thành phẩm này dùng để khử trùng kho; bảo quản thực vật; trừ mối hại công trình xây dựng, đê điều; thuốc xử lý hạt giống phải đăng ký thêm 01 tên thương phẩm khác.

2.2. Hướng dẫn tra cứu DM thuốc BVTV

Tra cứu trên File DM thuốc BVTV được định dạng Word (*.doc/*.docx) như sau:

- ***Tìm theo <u>tên hoạt chất:</u>***

  + Chọn **Home** trên thanh Thực đơn (Menu Bar)

  + Chọn nút **Find** phía bên phải màn hình → mở ra 1 hộp thoại

  + Dòng **Find What:** Gõ ***tên hoạt chất*** cần tìm

  + Bấm **Find in** → chọn **Main Document**

  Kết quả: tất cả chỗ có TÊN HOẠT CHẤT cần tìm sẽ được đánh dấu

- ***Tìm theo <u>tên thương phẩm</u>***

+ Chọn **Home** trên thanh Thực đơn (Menu Bar)

+ Chọn nút **Find** phía bên phải màn hình → mở ra 1 hộp thoại

+ Dòng **Find What:** Gõ ***tên thương phẩm*** cần tìm

+ Bấm **Find in** → chọn **Main Document**

Kết quả: tất cả chỗ có TÊN THƯƠNG PHẨM cần tìm sẽ được đánh dấu

- ***Tìm theo <u>tên SVGH</u>***

+ Chọn **Home** trên thanh Thực đơn (Menu Bar)

+ Chọn nút **Find** phía bên phải màn hình → mở ra 1 hộp thoại

+ Dòng **Find What:** Gõ ***tên SVGH***cần tìm

+ Bấm **Find in** → chọn **Main Document**

Kết quả: tất cả chỗ có TÊN SVGH cần tìm sẽ được đánh dấu

- ***Tìm theo <u>tên cây trồng</u>***

+ Chọn **Home** trên thanh Thực đơn (Menu Bar)

+ Chọn nút **Find** phía bên phải màn hình → mở ra 1 hộp thoại

+ Dòng **Find What:** Gõ ***tên cây trồng*** cần tìm

+ Bấm **Find in** → chọn **Main Document**

Kết quả: tất cả chỗ có TÊN CÂY TRỒNG cần tìm sẽ được đánh dấu

- ***Tìm theo <u>tên đơn vị đăng ký</u>***

+ Chọn **Home** trên thanh Thực đơn (Menu Bar)

+ Chọn nút **Find** phía bên phải màn hình → mở ra 1 hộp thoại

+ Dòng **Find What:** Gõ ***tên đơn vị đăng ký*** cần tìm

+ Bấm **Find in** → chọn **Main Document**

Kết quả: tất cả chỗ có TÊN ĐƠN VỊ ĐĂNG KÝ cần tìm sẽ được đánh dấu

3. Một số quy định cần biết liên quan đến DM thuốc BVTV

Tổ chức, cá nhân được nhập khẩu, sản xuất, buôn bán, sử dụng thuốc có trong DM thuốc BVTVđược phép sử dụng tại Việt Nam.

3.1. Quy định <u>ĐƯỢC:</u>

- Tổ chức, cá nhân có ***quyền buôn bán, sử dụng thuốc BVTV thành phẩm*** có trong DM thuốc BVTV được phép sử dụng ở Việt Nam

- Chỉ được sản xuất, nhập khẩu tối đa 01 năm, ***buôn bán, sử dụng tối đa 02 năm kể từ ngày quyết định loại thuốc BVTVkhỏi DM của BNNPTNT có hiệu lực đối với:***

  + Thuốc BVTV trong Phụ lục III của Công ước Rotterdam
  + Thuốc BVTV đã được FAO, UNEP, WHO cảnh báo
  + Thuốc BVTV mà đã có bằng chứng khoa học về gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe con người, vật nuôi, hệ sinh thái, môi trường.
  + Thuốc có hiệu lực thấp đối với SVGH

- Chỉ được quảng cáo các loại thuốc trong DM thuốc BVTVđược phép sử dụng tại Việt Nam.

3.2. Quy định CẤM:

- Cấm việc sản xuất, nhập khẩu, **kinh doanh, sử dụng** đối với**:**

  + Thuốc BVTVtrong DM thuốc BVTVcấm sử dụng tại Việt Nam;
  + Thuốc BVTVgiả;
  + Thuốc BVTV không rõ nguồn gốc;
  + Thuốc BVTV hết hạn sử dụng;
  + *Thuốc BVTV không có trong DM thuốc BVTVđược phép sử dụng tại VN*

  (trừ một số trường hợp nhập khẩu theo Giấy phép đã được Luật Bảo vệ và DTV quy định)

- Cấm Quảng cáo đối với:

  + Thuốc BVTVtrong DM thuốc BVTV **cấm sử dụng tại Việt Nam**;
  + Thuốc không trong có trong DM thuốc BVTVđược phép sử dụng tại VN
  + Thuốc BVTV không đúng với nội dung ghi trong GCN đăng ký thuốc BVTV

VI. Xử lý vi phạm hành chính trong buôn bán, vận chuyển, sử dụng thuốc BVTV

❖ **Nghị định 31/2016/NĐ-CP** ngày 06/5/2016 của Chính phủ *quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và KDTV* (Điều 5, 25, 27)

- Mức phạt tối đa đối với cá nhân là 50 triệu đồng, đối với tổ chức là 100 triệu đồng;
- Với cùng hành vi vi phạm, mức phạt tiền đối với tổ chức gấp 2 lần mức phạt tiền đối với cá nhân

1. Vi phạm quy định về buôn bán thuốc BVTV (Điều 25)

Hành vi vi phạm	Mức phạt (triệu đồng)	Xử phạt bổ sung	Biện pháp khắc phục
Buôn bán thuốc BVTVchung với lương thực, thực phẩm, hàng giải khát, thức ăn chăn nuôi, thuốc y tế, thuốc thú y	1-2	-	-
Buôn bán thuốc BVTVkhi GCN đủ điều kiện buôn bán thuốc BVTVđã hết hạn		-	-
Không duy trì đầy đủ các điều kiện về buôn bán thuốc BVTVtheo quy định tại Điều 63 của Luật Bảo vệ và KDTV trong quá trình hoạt động kinh doanh.		-	-
Buôn bán thuốc BVTV không có GCN đủ điều kiện buôn bán thuốc BVTV.	3-5	-	-
Buôn bán thuốc BVTVdưới dạng ống tiêm thủy tinh;	5-8		Buộc tiêu hủy
Bán thuốc BVTVdùng để xông hơi khử trùng cho người không			

có thẻ hành nghề xử lý vật thể thuộc diện KDTV hoặc tổ chức không có GCN hành nghề xử lý vật thể thuộc diện KDTV;			
Hướng dẫn sử dụng cho người mua thuốc BVTVkhông đúng nội dung trên nhãn thuốc;			
Buôn bán thuốc BVTVtrong thời gian đang bị đình chỉ hoạt động buôn bán, tước quyền sử dụng hoặc thu hồi GCN đủ điều kiện buôn bán thuốc.			
Buôn bán thuốc BVTV trong các trường hợp thuốc - hết hạn sử dụng; - không đảm bảo chất lượng; - không phù hợp quy chuẩn kỹ thuật tương ứng - không có trong DM thuốc BVTV được phép sử dụng ở VN			
KL thuốc thành phẩm < 5 kg/lít	1-2		Buộc thu hồi, trả lại nhà sản xuất hoặc nhà phân phối để tiêu hủy hoặc tái chế thuốc còn có khả năng tái chế đối với thuốc hết hạn sử dụng, thuốc không đảm bảo chất lượng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng
5 kg/lít ≤ KL thuốc thành phẩm < 20 kg/lít	3-5		
20 kg/lít ≤ KL thuốc thành phẩm < 100 kg/lít	5-8		
100 kg/lít ≤ KL thuốc thành phẩm < 300 kg/lít	8-15	Tước quyền sử dụng GCNĐĐKBB 1-6 tháng với hành vi buôn bán thuốc không có trong DM thuốc BVTV được phép sử dụng ở Việt Nam	
300 kg/lít ≤ KL thuốc thành phẩm < 500 kg/lít	15-25		
500 kg/lít ≤ KL thuốc thành phẩm < 1.000 kg/lít	30-40		
KL thuốc thành phẩm ≥ 1.000 kg/lít	40-50		

<table>
<tr><td>Buôn bán thuốc BVTV cấm sử dụng ở VN</td><td></td><td></td><td></td></tr>
<tr><td>KL thuốc thành phẩm < 3 kg/lít</td><td>3-5</td><td></td><td rowspan="8">Buộc tiêu hủy</td></tr>
<tr><td>3 kg/lít ≤ KL thuốc thành phẩm < 5 kg/lít</td><td>5-8</td><td></td></tr>
<tr><td>5 kg/lít ≤ KL thuốc thành phẩm < 10 kg/lít</td><td>8-15</td><td rowspan="4">Tước quyền sử dụng GCNĐĐKBB 1-6 tháng với hành vi buôn bán thuốc BVTV cấm sử dụng ở Việt Nam</td></tr>
<tr><td>10 kg/lít ≤ KL thuốc thành phẩm < 20 kg/lít</td><td>15-25</td></tr>
<tr><td>20 kg/lít ≤ KL thuốc thành phẩm < 30 kg/lít</td><td>30-40</td></tr>
<tr><td>30 kg/lít ≤ KL thuốc thành phẩm < 50 kg/lít</td><td>40 - 50</td></tr>
<tr><td>Khối lượng > 50 kg/lít</td><td>Chuyển sang cơ quan tố tụng hình sự</td><td></td></tr>
<tr><td>Nếu cơ quan tố tụng hình sự quyết định không khởi tố →</td><td>50</td><td></td><td></td></tr>
</table>

- *Hình thức phạt tiền quy định trên đây là hình thức xử phạt chính và mức tiền phạt quy định tại đây là áp dụng đối với hành vi vi phạm hành chính do cá nhân thực hiện. Trường hợp hành vi vi phạm hành chính do tổ chức thực hiện thì phạt tiền gấp hai lần mức tiền phạt quy định đối với cá nhân.*

2. Vi phạm quy định về vận chuyển thuốcBVTV *(Điều 27)*

Hành vi vi phạm	Mức phạt (triệu đồng)
Không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật an toàn về vận chuyển thuốc BVTVcủa phương tiện vận chuyển;	0,5 - 1
Vận chuyển thuốc BVTVchung với lương thực, thực phẩm, hàng giải khát, thức ăn chăn nuôi, thuốc y tế, thuốc thú y;	
Vận chuyển thuốc BVTVhóa học trên các phương tiện giao thông công cộng.	
Vận chuyển thuốc trong DM thuốc BVTV cấm sử dụng ở VN	xử phạt vi phạm hành chính như hành vi buôn bán thuốc BVTV quy định tại mục 7.1
Vận chuyển thuốc không có trong DM thuốc BVTVđược phép sử dụng ở VN.	

3. Vi phạm quy định về sử dụng thuốc BVTV *(Điều 26)*

Hành vi vi phạm	Mức phạt (triệu đồng)
Sử dụng thuốc BVTV không đúng với nội dung hướng dẫn sử dụng ghi trên nhãn thuốc	0,2 – 0,5
Không thu gom, để đúng nơi quy định bao gói thuốc BVTV sau khi sử dụng.	
Sử dụng thuốc BVTV không có trong DM thuốc BVTV được phép sử dụng ở VN(1)	1 – 2
Sử dụng thuốc BVTV dưới dạng ống tiêm thủy tinh (2)	
Sử dụng thuốc BVTV không đúng với nội dung hướng) dẫn ghi trên nhãn, gây hậu quả nguy hiểm (3)	2 - 3
Sử dụng thuốc BVTV cấm sử dụng ở Việt Nam (4)	3 – 5

(1), (2), (4) Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc tiêu hủy
(3) Buộc thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường

4. Một số quy định xử phạt liên quan khác

- **Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15/11**/2013 *quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng*.

Thuốc BVTV được coi là hàng giả khi:

+ không có hoạt chất;

+ hàm lượng hoạt chất chỉ đạt từ 70% trở xuống so với tiêu chuẩn chất lượng, quy chuẩn kỹ thuật đã đăng ký, công bố áp dụng;

+ không đủ loại hoạt chất đã đăng ký;

+ có hoạt chất khác với hoạt chất ghi trên nhãn, bao bì hàng hóa;

➢ *Hành vi buôn bán thuốc BVTV giả* có mức phạt từ 500.000 đồng đến 50 triệu đồng tùy thuộc giá trị của số lượng hàng thật tương đương. Mức phạt sẽ tăng gấp 2 lần nếu nhập khẩu thuốc BVTV giả hoặc hàng giả là thuốc BVTV. Đồng thời phải chịu các hình thức xử phạt bổ sung và buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả.

(Điều 11. Hành vi buôn bán hàng giả không có giá trị sử dụng, công dụng)

➢ *Hành vi buôn bán hàng giả mạo nhãn, bao bì hàng hóa* trong trường hợp:

- Hàng hóa có nhãn hàng hóa, bao bì hàng hóa giả mạo:

  + tên thương nhân, địa chỉ của thương nhân khác;

  + tên thương mại hoặc tên thương phẩm hàng hóa;

  + mã số đăng ký lưu hành,

  + mã vạch

  + bao bì hàng hóa của thương nhân khác;

- Hàng hóa có nhãn hàng hóa, bao bì hàng hóa *ghi chỉ dẫn giả mạo* về nguồn gốc hàng hóa, nơi sản xuất, đóng gói, lắp ráp hàng hóa;

Có mức phạt tiền từ 200.000 đồng đến 30 triệu đồng.

Phạt gấp 2 lần nếu nhập khẩu thuốc BVTV giả hoặc hàng giả là thuốc BVTV. Đồng thời phải chịu các hình thức xử phạt bổ sung và buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả.

(Điều 13. Hành vi buôn bán hàng giả mạo nhãn hàng hóa, bao bì hàng hóa)

- *Hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu,* sẽ bị phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền với mức từ 200.000 đồng – 50 triệu đồng tùy theo giá trị hàng hóa nhập lậu. Phạt tiền gấp hai lần mức tiền phạt đối với hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu là thuốc BVTV.

Các mức phạt tiền trên cũng được áp dụng xử phạt hành chính đối với người có hành vi cố ý vận chuyển hàng hóa nhập lậu; chủ kho tàng, bến, bãi, nhà ở có hành vi cố ý tàng trữ hàng hóa nhập lậu; người có hành vi cố ý giao nhận hàng hóa nhập lậu. Đồng thời phải chịu các hình thức xử phạt bổ sung và buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả.

(Điều 17. Hành vi kinh doanh hàng hóa nhập lậu)

- **Bộ Luật Hình sự năm 2015** (có hiệu lực từ ngày 01/7/2016) quy định**:**

- Người sản xuất, buôn bán thuốc BVTV cấm sử dụng trong trồng trọt thì bị phạt tiền từ 100 triệu đồng đến 1 tỷ đồng hoặc phạt tù từ 1 - 5 năm *(Điều 190. Tội sản xuất, buôn bán hàng cấm)*
- Người tàng trữ, vận chuyển thuốc BVTVcấm sử dụng trong trồng trọt thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 300.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng - 03 năm *(Điều 191. Tội tàng trữ, vận chuyển hàng cấm)*
- Người sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc BVTV bị phạt tiền từ 100 triệu đồng đến 1 tỷ đồng hoặc phạt tù từ 1 – 20 năm *(Điều 195. Tội sản xuất, buôn bán hàng giả là thức ăn dùng để chăn nuôi, phân bón, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng, vật nuôi)*

VII. Quy định về bảo vệ sức khỏe người và môi trường

1. Quy định về bảo vệ môi trường

1.1. Một số văn bản quy định về bảo vệ môi trường

- Luật Bảo vệ Môi trường 2014
- Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường

- Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản
- Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường

1.2. Tóm tắt một số nội dung quy định về bảo vệ môi trường

- Theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường kể từ ngày 01/4/201, các cơ sở buôn bán thuốc BVTV, kho chứa thuốc BVTV < 500 tấn xây mới, mở rộng quy mô thuộc đối tượng phải đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường gửi cơ quan có thẩm quyền xem xét xác nhận trước khi đi vào hoạt động.
- Các cơ sở buôn bán thuốc BVTV, kho chứa thuốc BVTV < 500 tấn đã hoạt động trước ngày 01/4/2015 nhưng không có Giấy xác nhận đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường thì trong thời hạn tối đa là ba mươi sáu (36) tháng kể từ ngày 01/ 4/2015 phải thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả vi phạm: Lập đề án bảo vệ môi trường đơn giản gửi cơ quan có thẩm quyền để đăng ký.
- Cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường, xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản:
  + UBND cấp huyện xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường của cơ sở buôn bán thuốc bảo vệ thực vật, kho thuốc BVTV trên địa bàn một huyện
  + UBND cấp xã *(nếu được UBND cấp huyện ủy quyền bằng văn bản)* xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường đối với cơ sở buôn bán thuốc BVTV, kho thuốc BVTV trên địa bàn quy mô hộ gia đình nằm trên địa bàn một xã.
- Trách nhiệm của chủ cơ sở buôn bán, kho chứa thuốc BVTV, sau khi kế hoạch bảo vệ môi trường, đề án bảo vệ môi trường đơn giản được xác nhận
- Tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo kế hoạch đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường hoặc đề án bảo vệ môi trường đơn giản đã được xác nhận.

- Trường hợp xảy ra sự cố môi trường phải dừng hoạt động, thực hiện biện pháp khắc phục và báo ngay cho UBND cấp xã hoặc UBND cấp huyện hoặc cơ quan có liên quan.
- Hợp tác và cung cấp mọi thông tin có liên quan cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra, thanh tra.
- Các cơ sở buôn bán, kho chứa thuốc bảo vệ thực vật phải lập và đăng ký lại kế hoạch bảo vệ môi trường trong các trường hợp sau:

  + Thay đổi địa điểm;

  + Không hoạt động trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày kế hoạch bảo vệ môi trường được xác nhận.
- Vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động buôn bán thuốc BVTV theo quy định tại Nghị định số 179/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường *(Mức phạt quy định đối với cá nhân, tổ chức gấp 2 lần)*

+ Không có bản cam kết bảo vệ môi trường được xác nhận theo quy định

  Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000

  Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động của cơ sở hoặc hoạt động gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 06 tháng đến 12 tháng.

  Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định.

+ Thực hiện không đầy đủ một trong các nội dung cam kết bảo vệ môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận:

  Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng

+ Không thực hiện tất cả các nội dung cam kết bảo vệ môi trường đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận.

  Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 2.500.000 đồng

  Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động gây ô nhiễm môi trường của cơ sở từ 01 tháng đến 03 tháng;

Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường trong thời hạn do người có thẩm quyền xử phạt ấn định trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

- ***Khuyến cáo:*** Chủ cơ sở buôn bán thuốc BVTV nên liên hệ với cơ quan bảo vệ môi trường tại địa phương để được hướng dẫn chi tiết về các thủ tục cần thiết theo quy định

2. Quy định về thu gom, xử lý bao gói thuốc BVTV đã qua sử dụng

2.1. Các văn bản quy địnhvề thu gom, xử lý bao gói thuốc BVTV:

- Luật Bảo vệ và KDTV 2013 (Điều 8, 72, 75);
- Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 16/5/2016 *Hướng dẫn việc thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng*;
- Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của BTNMT *về quản lý chất thải nguy hại*

Tóm tắt nội dung quy định:

2.2. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân

2.2.1. Người sử dụng thuốc BVTV:

a) Sau khi pha chế, phun rải thuốc BVTV phải thu gom bao gói sau sử dụng để vào bể chứa theo quy định

b) Để riêng bao gói thuốc BVTV sau sử dụng với rác thải sinh hoạt và rác vệ sinh đồng ruộng;

c) Không sử dụng bao gói thuốc BVTV sau sử dụng vào các mục đích khác;

d) Không tự ý đốt hoặc đem chôn bao gói thuốc BVTV sau sử dụng.

2.2.2. Doanh nghiệp đầu tư trực tiếp sản xuất cây trồng nông, lâm nghiệp

a) Tổ chức thu gom bao gói thuốc BVTV sau sử dụng trong địa bàn quản lý của doanh nghiệp;

b) Ký hợp đồng chuyển giao bao gói thuốc BVTV sau sử dụng với đơn vị có giấy phép xử lý chất thải nguy hại để xử lý;

c) Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT;

d) Trả chi phí cho việc xây dựng bể chứa, thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng.

2.2.3. Tổ chức, cá nhân thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc BVTV

a) Thực hiện các biện pháp an toàn lao động trong quá trình thu gom bao gói thuốc BVTVsau sử dụng;

b) Trang bị bảo hộ lao động như găng tay, khẩu trang, quần áo bảo hộ, ủng cao su và các phương tiện, vật tư cần thiết khác phục vụ việc thu gom bao gói thuốc BVTVsau sử dụng;

c) Ký hợp đồng và được trả công theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với người sử dụng lao động trong việc thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng.

Bao gói thuốc BVTVsau sử dụng phải được thu gom về các bể chứa, khu vực lưu chứa và trong vòng 12 tháng phải được chuyển giao cho đơn vị có chức năng, năng lực phù hợp để xử lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại. Việc vận chuyển đến nơi xử lý theo quy định tại Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT

2.2.4. UBND cấp tỉnh

a) Bố trí kinh phí từ ngân sách địa phương, chỉ đạo UBND huyện tổ chức thu gom, xử lý bao gói thuốc bBVTV sau sử dụng, tiêu hủy thuốc BVTV vô chủ tại địa phương;

b) Chỉ đạo các đơn vị chức năng ở địa phương tổ chức, tuyên truyền, hướng dẫn và kiểm tra công tác thu gom bao gói thuốc BVTVsau sử dụng;

c)) Hàng năm, tổng hợp tình hình phát sinh, thu gom, xử lý bao gói thuốc BVTVsau sử dụng, báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

2.2.5. UBND cấp huyện

a) Tổ chức, hướng dẫn UBNDcấp xã thu gom bao gói thuốc BVTVsau sử dụng trên địa bàn; quản lý việc thu gom bao gói thuốc BVTVtrên địa bàn;

b) Quản lý hoạt động chuyển giao bao gói thuốc BVTVsau sử dụng của UBNDcấp xã với đơn vị có chức năng, năng lực phù hợp theo quy định về quản lý chất thải nguy hại để vận chuyển và xử lý bao gói thuốc BVTVsau sử dụng;

c) Kiểm tra, hướng dẫn việc thu gom bao gói thuốc BVTVsau sử dụng theo quy định của pháp luật;

d) Hàng năm, tổng hợp tình hình phát sinh, thu gom, xử lý bao gói thuốc BVTVsau sử dụng trên địa bàn quản lý, báo cáo UBNDcấp tỉnh.

2.2.6. UBND cấp xã:

a) Quy định địa điểm đặt bể chứa, triển khai xây dựng bể chứa bảo đảm yêu cầu theo quy định tại Điều 3 Thông tư này;

b) Quy định địa điểm đặt khu vực lưu chứa (nếu có), triển khai xây dựng khu vực lưu chứa theo quy định tại Điều 3 Thông tư này;

c) Tuyên truyền, hướng dẫn người sử dụng thuốc BVTVtrên địa bàn thu gom bao gói vào bể chứa và thực hiện các quy định của pháp luật có liên quan;

d) Kiểm tra, hướng dẫn việc thu gom bao gói thuốc BVTVsau sử dụng theo quy định của pháp luật;

đ) Hàng năm, tổng hợp tình hình phát sinh, thu gom, xử lý bao gói thuốc BVTVsau sử dụng trên địa bàn quản lý, báo cáo UBNDcấp huyện.

2.2.7. Sự phối hợp giữa BNNPTNT và BTNMT

a) BNNPTNT chủ trì phối hợp với BTNMT quy định việc thu gom bao gói thuốc BVTVsau sử dụng;

b) Sở NNPTNT thôn hướng dẫn việc thu gom bao gói thuốc BVTVtrên địa bàn; hướng dẫn, tuyên truyền cho các tổ chức, cá nhân trong việc sử dụng thuốc BVTVvà thu gom bao gói thuốc BVTVsau sử dụng.

c) BTNMT quy định việc xử lý bao gói thuốc BVTVsau sử dụng. Sở TNMT hướng dẫn việc vận chuyển, xử lý bao gói thuốc BVTVsau sử dụng trên địa bàn.

d) Sở TNMT chủ trì, phối hợp với Sở NNPTNT tham mưu UBND cấp tỉnh hướng dẫn việc thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng.

- ***Chi cục BVTV có thể liên hệ, mời cơ quan môi trường tại địa phương giảng dạy nội dung về môi trường***

3. An toàn thực phẩm

3.1. Một số văn bản quy định về ATTP và dư lượng thuốc BVTV:

- Luật An toàn thực phẩm năm 2010
- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm;
- Thông tư 05/2010/TT-BNNPTNT ngày 22 tháng 1 năm 2010 hướng dẫn việc kiểm tra, giám sát vệ sinh ATTP nông sản trước khi đưa ra thị trường của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Thông tư 74/2011/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2011 quy định về truy xuất nguồn gốc, thu hồi và xử lý thực phẩm nông lâm sản không đảm bảo an toàn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Thông tư liên tịch 13/2014/TTLT-BCT-BNNPTNT-BYT ngày 9 tháng 4 năm 2014 hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về ATTP của Bộ Công thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Y tế;
- Thông tư 12/2015/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 3 năm 2015 hướng dẫn kiểm tra an toàn thực phẩm hàng hóa có nguồn gốc thực vật nhập khẩu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Quyết định 1290/QD-BNN-CCLB ngày 17 tháng 4 năm 2015 về phân công, phân cấp trong hoạt động kiểm tra, giám sát, thanh tra chuyên ngành nông lâm tủy sản thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp & PTNT
- Thông tư số 08/2009/TT-BKHCN ngày 8 tháng 4 năm 2009 qui định hướng dẫn thủ tục yêu cầu đăng ký lĩnh vực hoạt động thử nghiệm của Bộ Khoa học công nghệ.

- Thông tư 54/2011/TT-BNNPTNN ngày 03 tháng 8 năm 2011 Yêu cầu năng lực phòng thử nghiệm về chất lượng, an toàn thực phẩm Nông lâm thủy sản và muối của Bộ Nông nghiệp & PTNT.

3.2. Tóm tắt một số nội dung quy định về ATTP và dư lượng thuốc BVTV

3.2.1. Khái niệm Dư lượng:

- ***Dư lượng*** có nghĩa là chất nhất định có trong hoặc trên thực phẩm, hàng nông sản hoặc thức ăn chăn nuôi do sử dụng thuốc trừ dịch hại. Thuật ngữ này bao gồm tất cả các dẫn xuất của thuốc trừ dịch hại, như các sản phẩm biến đổi, chất chuyển hóa, thuốc phản ứng và tạp chất được coi là có độc tính cao. Thuật ngữ "dư lượng thuốc trừ dịch hại" bao gồm dư lượng từ các nguồn không xác định hoặc không thể tránh khỏi (ví dụ: môi trường) cũng như từ việc sử dụng hóa chất.
- ***Mức dư lượng tối đa cho phép*** (maximum residue limit, viết tắt là MRL) của thuốc BVTV trong/trên thực phẩm là lượng tối đa một loại thuốc bảo vệ thực vật chấp nhận tồn tại trong nông sản, thực phẩm mà không gây hại cho con người. MRL được biểu thị bằng mg (miligam) hợp chất độc trong 1 kg nông sản hoặc trong 1 kg nông sản. Từng loại thuốc đối với từng loại nông sản đều được quy định mức dư lượng tối đa, tức là lượng chất độc cao nhất được phép tồn lưu trong nông sản mà không gây ảnh hưởng đến cơ thể người và vật nuôi khi sử dụng nông sản đó làm thức ăn.

  Thuốc càng độc càng có MRL càng thấp. Nếu dư lượng của một loại thuốc trên nông sản thấp hơn MRL thì nông sản đó được phép lưu hành trên thị trường.
- ***Thời gian cách ly*** (Preharvest interval, viết tắt là PHI) là khoảng thời gian tính từ ngày cây trồng hoặc sản phẩm cây trồng được xử lý thuốc bảo vệ thực vật lần cuối cùng cho đến ngày được thu hoạch nông sản làm thức ăn, thức uống cho người và vật nuôi mà không để lại tồn dư thuốc bảo vệ thực vật gây tổn hại đến cơ thể.

  Trong khoảng thời gian này thuốc được chuyển hóa và phân giải cho đến các sản phẩm phân hủy cuối cùng không độc và được bài tiết hoàn toàn ra ngoài cây trồng hoặc chỉ tồn tại trong nông sản ở mức dư lượng tối đa cho phép được quy định cho từng loại thuốc trên từng loại cây trồng và nông sản. Thời

gian cách ly được quy định rất khác nhau đối với từng loại thuốc trên mỗi loại cây trồng và nông sản.

3.2.2. Quy định MRL của Việt Nam và một số nước trên thế giới.

Việt Nam:

Mức dư lượng tối đa cho phép trong nông sản thực phẩm được quy định tại Phần 8 của Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT ngày 19 tháng 12 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

Hiện nay Bộ Y tế đang xây dựng dự thảo Thông tư thay thế Quyết định này. Dự thảo Thông tư quy định giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong thực phẩm được xây dựng với nguyên tắc: Chấp nhận hoàn toàn quy định của Ủy ban Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế Codex (phiên bản năm 2015) và của ASEAN, EU và Nhật Bản về giới hạn tối đa dư lượng thuốc bảo vệ thực vật; Thông tư gồm 2 Danh mục: 1. Danh mục quy định giới hạn tối đa dư lượng của 196 loại hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật, 2. Danh mục thuốc bảo vệ thực vật không quy định giới hạn tối đa dư lượng; Đối với các hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật chưa được quy định giới hạn tối đa dư lượng tại Thông tư này, sẽ được áp dụng giới hạn tối đa dư lượng tạm thời là 0,01mg/kg.

Một số ý kiến đề nghị áp dụng giới hạn tối đa dư lượng tạm thời là 0,01mg/kg đối với hoạt chất trong Danh mục thuốc bảo vệ thực vật cấm sử dụng tại Việt Nam, hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật có độ độc cấp tính thuộc nhóm I, II theo phân loại của GHS (trong tất cả các loại thực phẩm), hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật có độ độc cấp tính thuộc nhóm III, IV theo phân loại của GHS trên rau, quả và chè ở Việt Nam.

❖ ***Tra cứu mức dư lượng tối đa cho phép trong nông sản thực phẩm***

MRL Việt Nam:

http://vfa.gov.vn/van-ban/quyet-dinh-462007qd-byt-cua-bo-y-te-ve-viec-ban-hanh-quy-dinh-gioi-han-toi-da-o-nhiem-sinh-hoc-va-hoa-hoc-trong-thuc-pham.html

MRL Newzelan và một số nước:

https://pxmrl.maf.govt.nz/ → Registers & lits → Pesticide MRL Database → Country (chọn tên nước) → Pesticide (chọn tên hoạt chất) → Crop (chọn cây trồng) → Display limits

MRL EU:

http://ec.europa.eu/sanco_pesticides/public/index.cfm?event=substance.selection → EU-pesticides database → Search pesticide residues → Select pesticides residues (chọn hoạt chất) → Select products (chọn sản phẩm nông sản) → Display

Hoặc:
http://ec.europa.eu/sanco_pesticides/public/index.cfm?event=substance.selection → EU-pesticides database → Search products → Code number (chọn sản phẩm) → Bảng gồm 2 cột: Pesticide residue (tên các hoạt chất) và Maximum residue level (giá trị MRL)

3.3. Cách giảm thiểu dư lượng thuốc BVTV trong nông sản

Trong thực tế hiện nay hầu hết người sử dụng thuốc bảo vệ thực vật nhận thức về sâu bệnh hại còn thấp, chưa nắm rõ được từng loại dịch hại nên khi dùng thuốc để phòng trừ sâu bệnh họ chỉ dùng theo kinh nghiệm của mình hoặc được những người khác truyền miệng. Do vậy, mặc dù cùng một loại thuốc đó người này sử dụng có hiệu quả nhưng người kia lại dùng không có tác dụng, nguyên nhân chính là do loại thuốc đó, hoạt chất đó không phù hợp, không phòng trừ được sâu bệnh mà cây trồng của họ nhiễm phải, sử dụng không đúng liều lượng khuyến cáo trên nhãn, không phun đúng lúc sâu hại còn tuổi nhỏ hoặc bệnh hại mới chớm phát sinh hoặc pha thuốc, phun thuốc chưa đúng cách. Khi không thấy được hiệu quả thì dẫn đến họ phải sử dụng loại thuốc khác, khi đó lượng thuốc họ vừa sử dụng trước đó chưa kịp phân hủy còn tồn dư lại trên cây trồng. Qua một thời gian thì dư lượng thuốc BVTV ngày càng tăng lên. Để giảm thiểu dư lượng thuốc bảo vệ thực vật trong nông sản, người sử dụng thuốc trong sản xuất cần phải thực hiện các cách sau:

- Sử dụng thuốc BVTV theo nguyên tắc 4 đúng: đúng thuốc, đúng lúc, đúng liều lượng, nồng độ, và đúng cách.
- Tuân thủ đúng thời gian cách ly

3.4. Trách nhiệm quản lý an toàn thực phẩm

Bộ Y tế, phối hợp các Bộ liên quan, UBND

a) Bộ Y tế:

- Quản lý ATTP trong suốt quá trình sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh đối với phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên, thực phẩm chức năng và các thực phẩm khác theo quy định của Chính phủ;
- Quản lý ATTP đối với dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm trong quá trình sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý;

b) BNNPTNT

- Quản lý ATTP đối với sản xuất ban đầu nông, lâm, thủy sản, muối.
- Quản lý ATTP trong suốt quá trình sản xuất, thu gom, giết mổ, sơ chế, chế biến, bảo quản, vận chuyển, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh đối với ngũ cốc, thịt và các sản phẩm từ thịt, thủy sản và sản phẩm thủy sản, rau, củ, quả và sản phẩm rau, củ, quả, trứng và các sản phẩm từ trứng, sữa tươi nguyên liệu, mật ong và các sản phẩm từ mật ong, thực phẩm biến đổi gen, muối và các nông sản thực phẩm khác theo quy định của Chính phủ.
- Quản lý ATTP đối với dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng thực phẩm trong quá trình sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý.

c) UBND các cấp

- Chịu trách nhiệm quản lý ATTP trên địa bàn; quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ, thức ăn đường phố, cơ sở kinh doanh, dịch vụ ăn uống, ATTP tại các chợ trên địa bàn và các đối tượng theo phân cấp quản lý.